

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97** /2017/DS-ST
Ngày 31/8/2017
V/v " Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản
và nợ hụi"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

2. Ông Lê Anh Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST- DS ngày 31 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mộng L, sinh năm 1983. Địa chỉ: 411C, khu phố 3, phường 7, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972. Địa chỉ: 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: 300/10, ấp Bình An B, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 03 tháng 7 năm 2017) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971. Địa chỉ: 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: 300/10, ấp Bình An B, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 03 tháng 7 năm 2017) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị có tham gia 11 dây hội do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ, cụ thể như sau:

-Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 25 tháng 9 năm 2015 âm lịch, chị tham gia 02 phần, đóng được số tiền 114.070.000 đồng.

-Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 01 tháng 10 năm 2015 âm lịch, chị tham gia 02 phần, đóng được số tiền 17.180.000 đồng.

-Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 28 tháng 10 năm 2015 âm lịch, chị tham gia 02 phần, đóng được số tiền 83.140.000 đồng.

-Hội 10.000.000 đồng, khai ngày 08 tháng 6 năm 2016 âm lịch, chị tham gia 01 phần và đóng được số tiền 39.760.000 đồng.

-Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 10 tháng 6 năm 2016 âm lịch, chị tham gia 02 phần, đóng được số tiền 45.450.000 đồng.

-Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 15 tháng 6 năm 2016 âm lịch, chị tham gia 03 phần, đóng được số tiền 13.680.000 đồng.

-Hội 3.000.000 đồng, khai ngày 05 tháng 7 năm 2016 âm lịch, chị tham gia 02 phần, đóng được số tiền 39.760.000 đồng.

-Hội 3.000.000 đồng, khai ngày 20 tháng 7 năm 2016 âm lịch, chị tham gia 01 phần, đóng được số tiền 9.180.000 đồng.

-Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 15 tháng 9 năm 2016 âm lịch, chị tham gia 04 phần, đóng được số tiền 31.320.000 đồng.

-Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 08 tháng 10 năm 2016 âm lịch, chị tham gia 01 phần, đóng được số tiền 15.150.000 đồng.

Các dây hội trên là hội sống, tổng số tiền vốn hội chị đóng cho bà H là 374.690.000 đồng. Ngoài ra, phần hội mãn ngày 15 tháng 11 năm 2016 bà H giao còn nợ lại số tiền là 104.660.000 đồng. Tổng số tiền hội bà H nợ chị là: 479.350.000 đồng.

Bà H có tham gia 03 dây hội do chị làm chủ như sau:

-Dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 11 tháng 8 năm 2015, có 22 phần, bà H tham gia 01 phần, hót hội ngày 11 tháng 12 năm 2015, số tiền hót được là 87.540.000 đồng, bà H đóng hội chết được 13 kỳ, còn lại 04 kỳ chưa đóng là 20.000.000 đồng.

-Dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 11 tháng 3 năm 2016, có 25 phần, bà H tham gia 01 phần, hót hội ngày 11 tháng 8 năm 2016, số tiền hót được là 101.350.000 đồng, bà H đóng hội chết được 05 kỳ, còn lại 14 kỳ chưa đóng là 70.000.000 đồng.

-Dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 01 tháng 5 năm 2016, có 25 phần, bà H tham gia 01 phần, hót hội ngày 01 tháng 9 năm 2016, số tiền hót được là 97.900.000 đồng, bà H đóng hội chết được 04 kỳ, còn lại 16 kỳ chưa đóng là 80.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà H chưa đóng là: 170.000.000 đồng.

-Vào ngày 15 tháng 11 năm 2015 chị còn cho bà H vay số tiền là 200.000.000 đồng không lãi suất, thời hạn vay 01 năm, khi cho vay có làm giấy, đến nay bà H chưa trả vốn cho chị.

Chị L yêu cầu bà H và chồng bà H là ông Nguyễn Ngọc C trả số tiền hụi và tiền vay tổng cộng là 849.350.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C, người đại diện theo ủy quyền của bà H ông C là ông Nguyễn Bảo Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mộng L, buộc ông Nguyễn Ngọc C bà Nguyễn Mỹ H trả cho chị L số tiền 849.350.000 đồng. Ghi nhận chị L không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

-Chị Trần Thị Mộng L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C tổng số tiền hụi và tiền vay là 849.350.000 đồng nên đây là tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự.

-Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H cư trú tại số 52B3, khu phố 4, phường Phú Khương, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C, sau đó là người đại diện theo ủy quyền của bà H ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi, chị Trần Thị Mộng L tham gia 11 dây hụi và đóng được số tiền như sau: Hụi 5.000.000 đồng khai ngày 25 tháng 9 năm 2015 âm lịch, đóng được số tiền 114.070.000 đồng; hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 01 tháng 10 năm 2015 âm lịch, đóng được số tiền 17.180.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng

khui ngày 28 tháng 10 năm 2015 âm lịch, đóng được số tiền 83.140.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng khai ngày 08 tháng 6 năm 2016 âm lịch, đóng được số tiền 39.760.000 đồng; hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15 tháng 6 năm 2016 âm lịch, đóng được số tiền 45.450.000 đồng; hụi 2.000.000 đồng khai ngày 10 tháng 6 năm 2016 âm lịch, đóng được số tiền 13.680.000 đồng; hụi 3.000.000 đồng khai ngày 05 tháng 7 năm 2016 âm lịch, đóng được số tiền 39.760.000 đồng; hụi 3.000.000 đồng khai ngày 20 tháng 7 năm 2016 âm lịch, đóng được số tiền 9.180.000 đồng; hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15 tháng 9 năm 2016 âm lịch, đóng được số tiền 31.320.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08 tháng 10 năm 2016 âm lịch, đóng được số tiền 15.150.000 đồng. Các dây hụi này đều là hụi sống, số tiền vốn chị L đóng cho bà H thực tế là 408.690.000 đồng, số tiền này chị chưa nhận lại từ bà H. Ngoài ra, phần hụi mãn ngày 15 tháng 11 năm 2016 bà H giao còn nợ lại số tiền là 104.660.000 đồng, tổng số tiền hụi bà H nợ chị là: 513.350.000 đồng.

[4]Chị Trần Thị Mộng L làm chủ hụi, bà Nguyễn Mỹ H tham gia 03 dây hụi như sau: Hụi 5.000.000 đồng khai ngày 11 tháng 8 năm 2015, bà H tham gia 01 phần, hốt hụi ngày 11 tháng 12 năm 2015, bà H đóng hụi chết được 13 kỳ, còn lại 04 kỳ chưa đóng số tiền là 20.000.000 đồng; Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 11 tháng 3 năm 2016, bà H tham gia 01 phần và hốt hụi ngày 11 tháng 8 năm 2016, bà H đóng hụi chết được 05 kỳ, còn lại 14 kỳ chưa đóng là 70.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 11 tháng 5 năm 2016, bà H tham gia 01 phần, hốt hụi ngày 01 tháng 9 năm 2016, bà H đóng hụi chết được 04 kỳ, còn lại 16 kỳ chưa đóng là 80.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi bà H chưa đóng là: 170.000.000 đồng.

[5]Ngoài ra, vào ngày 15 tháng 11 năm 2015 chị L còn cho bà H vay số tiền là 200.000.000 đồng không lãi suất, thời hạn vay 01 năm, khi cho vay có làm giấy, đến nay bà H chưa trả vốn cho chị L.

[6]Tổng số tiền hụi và tiền vay bà H còn thiếu chị L là 883.350.000 đồng. Quá trình chơi hụi, đến cuối năm 2016, bà H bẻ hụi, các dây hụi không còn tiếp tục chơi nữa, bà H nợ lại chị L số tiền vốn hụi, đồng thời bà H còn thiếu tiền hụi chết khi tham gia chơi hụi do chị L làm chủ là 170.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H có vay của chị L số tiền 200.000.000 đồng, mục đích trả tiền hụi cho các hụi viên khác, quá trình vay bà H chưa trả vốn và lãi cho chị L. Theo các giấy xác nhận nợ cùng ghi ngày 21 tháng 01 năm 2017, một giấy bà H xác nhận còn nợ chị L tổng số tiền 679.350.000 đồng, một giấy bà H xác nhận nợ chị L 170.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà H thiếu chị L là 849.350.000 đồng. Thực tế, bà H nợ chị L số tiền 883.350.000 đồng nhưng chị L chỉ yêu cầu bà H trả số tiền là 849.350.000 đồng. Xét yêu cầu của chị L là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Đối với số tiền chênh lệch chị L có quyền khởi kiện bà H bằng một vụ kiện khác. Việc bà H còn nợ số tiền 849.350.000 đồng (gồm các khoản tiền hụi và tiền vay) của chị L, chị L đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nhưng bà H không trả là vi phạm nghĩa vụ, vì vậy bà H phải có trách nhiệm trả cho chị L số tiền là 849.350.000 đồng.

[7] Chị L yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C là chồng của bà H có trách nhiệm cùng bà H trả cho chị số tiền 849.350.000 đồng. Xét thấy, bà H chơi hụi nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình chung, ông C biết việc bà H chơi hụi và biết việc bà

H thiếu nợ nhưng không có ý kiến phản đối, hôn nhân của ông bà vẫn tồn tại. Do đó, buộc ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả tiền cho chị L.

Quá trình giải quyết vụ án bà H ông C không đến Tòa án cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị L nên phải chịu hậu quả bất lợi của việc vắng mặt. Tòa án căn cứ vào chứng cứ của chị L cung cấp để xem xét giải quyết.

[8] Về lãi suất: Chị L chỉ yêu cầu bà H ông C trả số tiền hui vốn khi tham gia chơi hui do bà H làm chủ, số tiền hui chết bà H thiếu chị L khi tham gia chơi hui do chị L làm chủ hui, số tiền bà H vay của chị L nên ghi nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của chị L được chấp nhận toàn bộ nên bà H ông C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, cụ thể án phí được tính như sau : $36.000.000 \text{ đồng} + (49.350.000 \text{ đồng} \times 3\%) = 37.480.500 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 471, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hui, họ, biếu, phượng; Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

1. Buộc bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C liên đới trả cho chị Trần Thị Mộng L số tiền 849.350.000đ trong đó tiền hui là . 649.350.000 đ tiền vốn vay là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C phải liên đới chịu 37.480.500 đồng đ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Chị Trần Thị Mộng L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.740.000 đ (Mười tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 383 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA -TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu V.Phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở